

KẾ HOẠCH

tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và Kết luận số 69-KL/TW, ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Thực hiện Kết luận số 69-KL/TW, ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (gọi tắt là Kết luận số 69-KL/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ theo Kết luận số 69-KL/TW, phù hợp với điều kiện thực tiễn, thế mạnh của tỉnh; góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ, phát huy tối đa lợi thế của từng ngành, từng địa phương, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) trên địa bàn tỉnh

- Nâng cao nhận thức, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; từ đó, đề ra kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị.

2. Yêu cầu

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cấp, ngành, địa phương chủ động nghiên cứu, học tập và ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu KH&CN vào trong thực tiễn công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Kết luận 69-KL/TW và Nghị quyết số 20-NQ/TW.

- Người đứng đầu các sở, ban, ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị cần bám sát chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển KH&CN; trong đó, tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của địa phương theo từng năm và từng giai đoạn.

- Cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN của tỉnh tăng cường phối hợp với các cấp, ngành, địa phương, đơn vị tăng cường công tác quản lý nhà nước, đổi mới sáng tạo để việc triển khai thực hiện Kết luận 69-KL/TW được tiến hành đồng bộ, thống nhất, hiệu quả gắn với việc thực hiện các văn bản của Trung ương, của tỉnh về phát triển, ứng dụng KH&CN đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc, cấp bách, tạo sự chuyển biến trong tình hình mới.

- Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu để các ngành, các cấp cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án và tổ chức triển khai thực hiện gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao trình độ phát triển KH&CN của tỉnh nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, để Khánh Hòa trở thành một trong những địa phương có trình độ KH&CN thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực và cả nước trong các lĩnh vực: Hải dương học, công nghệ đại dương, công nghệ sản xuất giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng và chế biến thủy sản, vaccine và sinh phẩm y tế, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ du lịch.

Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng KH&CN mới, nhất là những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thực hiện chuyển đổi số, kỹ thuật số, kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phát triển nhanh và bền vững.

Đầu tư có trọng điểm cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn và khoa học tự nhiên làm cơ sở cho việc xây dựng các chủ trương, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Quản lý triển khai thực hiện từ 03 đến 05 nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia, 10 đến 15 nhiệm vụ cấp tỉnh/năm; 30 đến 40 nhiệm vụ KH&CN tập trung vào lĩnh vực có khả năng ứng dụng và chuyển giao, 60% nhiệm

vụ sau khi nghiệm thu được ứng dụng, nhân rộng kết quả vào thực tiễn đóng góp vào thực hiện thành công các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Vận động hình thành được ít nhất 01 quỹ hỗ trợ khởi nghiệp ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương.

- Tổ chức liên tục các khóa đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức ươm tạo và ươm tạo được ít nhất 02 dự án khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mỗi năm.

- Mỗi năm có ít nhất 01 sáng chế hoặc giải pháp hữu ích từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh.

- Đăng ký ít nhất 02 nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận mỗi năm thông qua ngân sách nhà nước.

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, cá nhân: có ít nhất 20 nhãn hiệu được cấp văn bằng; 01 sáng chế và 10 kiểu dáng công nghiệp mỗi năm.

- Hình thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh dựa trên kiện toàn Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KH&CN.

- Nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các viện nghiên cứu và trường đại học, hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, tổ chức trong doanh nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP của tỉnh đạt trên 50%, có 30 doanh nghiệp khoa học công nghệ.

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương với cơ chế đặc thù về hợp tác công tư, nhằm đẩy nhanh tiến trình ứng dụng chuyển giao công nghệ đại dương phục vụ phát triển kinh tế biển và mục tiêu lưỡng dụng.

- Tập trung nguồn lực đầu tư cho phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo, phấn đấu đạt mức 2% tổng chi ngân sách địa phương.

3. Tầm nhìn năm 2045

Khánh Hòa trở thành một trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ dẫn đầu trong khu vực các tỉnh vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên; có ngành KH&CN thuộc tốp đầu khu vực và tiệm cận với các nước phát triển; đáp ứng yêu cầu phát triển tỉnh trở thành đô thị thông minh,

bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo

- Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục thực hiện tốt việc tổ chức học tập, phổ biến, quán triệt tinh thần Kết luận số 69-KL/TW nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu xác định phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ trung tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Cụ thể hoá nghị quyết, chủ trương của Đảng về thúc đẩy phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo, tạo bước đột phá để chuyển nhanh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất lao động, tiến bộ KH&CN và đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế quốc gia, phát triển đất nước nhanh và bền vững.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong công tác vận động, tuyên truyền, giám sát, phản biện xã hội, động viên nhân dân tham gia tích cực, góp phần phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều hoạt động đổi mới sáng tạo, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới mang lại hiệu quả thiết thực trong sản xuất và đời sống.

2. Đổi mới tư duy, hoàn thiện chính sách, nâng cao vai trò quản lý nhà nước về KH&CN và đổi mới sáng tạo

- Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp trong việc thực hiện Chương trình hành động số 57-CTr/TU, ngày 08/6/2023 của Tỉnh ủy về *thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*; Chương trình hành động số 60-CTr/TU, ngày 19/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới*; Chương trình hành động số 78-CTr/TU, ngày 04/5/2024 của Tỉnh ủy về *thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban*

Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) “về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”; Chương trình hành động số 30-CTr/TU, ngày 23/02/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Chủ động rà soát, xây dựng, điều chỉnh, đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ các cơ chế, chính sách tài chính về: phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo, quản lý và sử dụng tài sản công, bảo hộ sở hữu trí tuệ, chuyển giao và ứng dụng KH&CN tiên tiến phục vụ phát triển công nghiệp, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và bảo vệ môi trường; hỗ trợ phát triển công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ sản xuất vật liệu mới, phát triển sản phẩm mới, trong một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng thế mạnh của địa phương.

- Xây dựng cơ chế xã hội hoá hoạt động KH&CN, thúc đẩy hình thành tổ chức, doanh nghiệp KH&CN; khuyến khích sự tham gia, đóng góp của các doanh nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; thúc đẩy hoạt động ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống. Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới quản lý, công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Triển khai cơ chế phát triển thị trường KH&CN, chính sách khuyến khích liên kết để tạo sự gắn kết giữa các tổ chức KH&CN công lập và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả đóng góp của KH&CN cho phát triển kinh tế của doanh nghiệp, nhằm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về các công trình nghiên cứu, các sáng chế, trình độ công nghệ, nhân lực công nghệ của các doanh nghiệp trong tỉnh phục vụ cho việc nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo của các tổ chức KH&CN công lập của tỉnh.

- Kiện toàn, củng cố tổ chức và nâng cao năng lực quản lý, kiểm tra, phân tích, dự báo chiến lược về xu thế phát triển của KH&CN phù hợp tình hình mới. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra xử lý nghiêm vi phạm trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KH&CN và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường hợp tác, liên kết, phối hợp các Viện nghiên cứu, Trường đại học, các tập đoàn công nghệ có uy tín, doanh nghiệp KH&CN trong việc

ngiên cứu và đẩy mạnh ứng dụng KH&CN tiên tiến, hiện đại, nghiên cứu và phát triển công nghệ mới; gắn nhiệm vụ phát triển KH&CN với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.

- Phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

3. Nâng cao tiềm lực KH&CN và đổi mới sáng tạo

- Nâng cao tiềm lực KH&CN và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư phát triển các tổ chức KH&CN, hệ thống phòng thí nghiệm, hạ tầng thông tin và thống kê về KH&CN và đổi mới sáng tạo theo hướng hiện đại: nghiên cứu thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), Trung tâm Khoa học Công nghệ đẳng cấp quốc tế (Trung tâm Trí Tuệ Toàn cầu), Trạm thực nghiệm khoa học và công nghệ nuôi trồng thủy sản; hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương với cơ chế đặc thù về hợp tác công tư, nhằm đẩy nhanh tiến trình ứng dụng chuyển giao công nghệ đại dương phục vụ phát triển kinh tế biển và mục tiêu lưỡng dụng.

- Phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội: gắn kết với việc xây dựng, triển khai thực hiện hiệu quả “Đề án phát triển đội ngũ trí thức tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030” gắn với Chương trình phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; kết nối trí thức khởi nghiệp với các doanh nghiệp, bảo hộ sản phẩm sở hữu trí tuệ.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực xã hội, nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng KH&CN, giáo dục và đào tạo, các quỹ đầu tư phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo; tạo môi trường thuận lợi cho trí thức làm việc, nghiên cứu, sáng tạo, cống hiến; thu hút trí thức tham gia hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

- Có chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài về làm việc tại các tổ chức KH&CN công lập. Ngoài hình thức thu hút về làm việc lâu dài, cần mở rộng thêm hình thức hợp tác theo từng nhiệm vụ cụ thể hoặc theo hợp đồng ngắn hạn thông qua dự án hợp tác đối với nhân lực có trình độ cao, các chuyên gia giỏi trong và ngoài nước ở các lĩnh vực khoa học nông nghiệp, khoa học kỹ thuật và công nghệ, y tế, giáo dục... để tăng cường năng lực cho các tổ chức KH&CN công lập.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khuyến khích thành lập doanh nghiệp KH&CN; đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, cá nhân trong tỉnh với các đối tác nước ngoài. Nghiên cứu, từng bước sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị, các lực lượng khoa học gắn với các hoạt động thực tiễn.

4. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của địa phương gắn kết với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia

- Chủ động triển khai chính sách, chương trình đổi mới sáng tạo theo các định hướng mới của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đổi mới sáng tạo và quản lý đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Ban hành các kế hoạch, giải pháp để nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) đến năm 2025 và kế hoạch dài hạn đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Khánh Hòa. Chú trọng đến chất lượng các chương trình hỗ trợ, mục tiêu cuối cùng là phải ươm tạo được các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thực sự.

- Thực hiện các nhiệm vụ kết nối cụ thể để tăng cường huy động nhiều nguồn lực khác nhau đầu tư vào KH&CN, đặc biệt phải khai thác được quỹ KH&CN của doanh nghiệp cho hiệu quả thông qua đổi mới cơ chế tài chính cho KH&CN.

- Ban hành các chính sách đặc thù của địa phương, điển hình như chính sách “khuyến công nghệ” hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Đồng thời, thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các ứng dụng công nghệ thay thế, công nghệ sử dụng nguồn nguyên liệu từ chất thải tái chế, công nghệ năng lượng xanh thông qua chương trình khuyến công, chương trình tiết kiệm hiệu quả năng lượng, chương trình sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Chủ động đề xuất các mô hình hệ thống đổi mới sáng tạo của địa phương dựa trên sự kết nối, khai thác có hiệu quả nguồn lực, tiềm lực của các tổ chức KH&CN, trường đại học, viện nghiên cứu đóng trên địa bàn tỉnh với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Thành lập Trung tâm Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo công lập có chức năng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từ việc kiện toàn tổ chức đối với Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa. Đồng thời, tiếp tục khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, tiềm lực đã được đầu tư để nâng cao năng lực, thể hiện rõ vai trò và hiệu quả hoạt động của Trung tâm này trong việc ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế và ưu tiên phát triển của tỉnh.

5. Thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN

- Gắn mục tiêu của các nhiệm vụ KH&CN với tiềm năng thương mại hóa và thị trường trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa

bàn tỉnh; Các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN lĩnh vực khoa học, công nghệ phải hướng đến mục tiêu tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ hoặc giải quyết được các nhu cầu của thị trường. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách và bố trí nguồn lực để hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ hình thành trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Đẩy mạnh hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp phục vụ sản xuất kinh doanh, phát triển thương hiệu các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đặc trưng của địa phương, của tỉnh, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, từ đó hình thành chiến lược lâu dài cho phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

- Xã hội hóa dịch vụ tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp, hỗ trợ khai thác nguồn thông tin sáng chế ở trong và ngoài nước phục vụ nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ nghiên cứu giải mã, làm chủ công nghệ được chuyển giao ở trong nước và từ nước ngoài.

- Xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho các sản phẩm hàng hóa đặc thù có giá trị kinh tế cao chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hướng dẫn doanh nghiệp công bố, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa, áp dụng mã số mã vạch; triển khai hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia tại địa phương; triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Từng bước hình thành thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh; có cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư hoạt động của các doanh nghiệp KH&CN; tổ chức và tham gia tổ chức các hội chợ công nghệ tại tỉnh. Khuyến khích thành lập sàn giao dịch công nghệ, các tổ chức dịch vụ kỹ thuật KH&CN, môi giới, tư vấn, chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường công tác thông tin, thống kê KH&CN để cung cấp, trao đổi, giao dịch thông tin KH&CN đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý, dự báo và hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, sản xuất kinh doanh... Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia triển lãm giới thiệu và chuyển giao công nghệ.

6. Đẩy mạnh hội nhập, hợp tác quốc tế về KH&CN và đổi mới sáng tạo

- Tăng cường hợp tác giữa các tổ chức KH&CN của tỉnh, trong vùng, cả nước và ở các nước phát triển; tìm kiếm, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hợp tác trong công tác nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực...; chú trọng việc đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ (cấp quốc gia) có tính liên vùng, liên ngành để giải quyết các vấn đề KH&CN liên vùng nhằm tạo động lực, giải pháp phát triển của tỉnh và lan tỏa các tỉnh trong vùng; xây dựng cơ chế hợp tác,

chuyên giao công nghệ và trao đổi thông tin giữa các tổ chức KH&CN công lập của tỉnh với các tổ chức KH&CN của các ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

- Mở rộng quan hệ hợp tác và đào tạo nguồn nhân lực KH&CN với các viện, trường đại học trong nước và đặc biệt với các trường đại học của nước ngoài để nhanh chóng xây dựng đội ngũ nhân lực KH&CN có trình độ phù hợp với yêu cầu phát triển của các tổ chức KH&CN trong tỉnh. Tham gia và tổ chức các hội nghị, hội thảo, triển lãm các thành tựu KH&CN quốc gia và quốc tế.

- Đa dạng hóa phương thức đầu tư, ưu tiên thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ đứng đầu các chuỗi giá trị, sản xuất, các đối tác công nghệ cao, công nghệ mới. Tranh thủ các nguồn vốn, công nghệ, tri thức và các nguồn viện trợ của nước ngoài để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mở rộng hợp tác về chuyên giao, ứng dụng KH&CN với các tỉnh, tổ chức đối tác có nền KH&CN tiên tiến, giữa doanh nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức hợp tác, giao lưu, tiếp cận với tiên bộ khoa học - kỹ thuật tiên tiến.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; phổ biến, quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 69-KL/TW và Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tế cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện hiệu quả.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành văn bản cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của tỉnh.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh để tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật; tăng cường giám sát việc thực hiện.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt Nghị quyết số 20-NQ/TW và Kế hoạch này; đồng thời, thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tuyên truyền, phổ biến nội dung Kết luận số 69-KL/TW và Kế hoạch này; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 69-KL/TW và Kế hoạch này; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Tuyên giáo Trung ương (báo cáo),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Hà Quốc Trị